

information was published on BIC's website (www.bic.vn, under the Investor Relations/Information Disclosure section) on September 18, 2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. / We commit that the information disclosed above is true and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm / Attached documents:

- Quyết định HĐQT số 150/2025/QĐ-HĐQT ngày 18/09/2025 Ban hành Quy chế CBTT./
- Board of Directors' Decision No. 150/2025/QĐ-HĐQT dated September 18, 2025

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
/ AUTHORIZED PERSON
TO DISCLOSURE INFORMATION



Vũ Minh Hải



QUYẾT ĐỊNH

*Ban hành Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV*

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV**

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV ban hành theo Quyết định số 083/QĐ-HĐQT ngày 23/05/2025 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV;
- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 2535/TTr-ĐTTC ngày 03/09/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Chánh văn phòng, Giám đốc các Ban tại Trụ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh, Công ty thành viên, các đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Điều 3;
- QLRR;
- Lưu: VT, Ban ĐTTC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Hoài An

QUY CHẾ		
Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán		
QUÁ TRÌNH BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI:		
Lần	Ngày	Tóm tắt nội dung
1.	18.-09-2025	Ban hành lần đầu
2.		
3.		
4.		
5.		
6.		
7.		
8.		
9.		



MỤC LỤC

Điều 1.	Mục đích	3
Điều 2.	Phạm vi áp dụng.....	3
Điều 3.	Tài liệu tham chiếu	3
Điều 4.	Giải thích từ ngữ	4
Điều 5.	Nguyên tắc CBTT	5
Điều 6.	Trách nhiệm CBTT	5
Điều 7.	Phương tiện công bố thông tin.....	6
Điều 8.	Tạm hoãn, sửa đổi nội dung công bố thông tin	6
Điều 9.	Xử lý vi phạm.....	7
Điều 10.	Các trường hợp Công bố thông tin.....	7
Điều 11.	Công bố thông tin định kỳ	7
Điều 12.	Công bố thông tin bất thường	9
Điều 13.	Công bố thông tin theo yêu cầu	12
Điều 14.	Công bố thông tin về các hoạt động khác.....	13
Điều 15.	Công bố thông tin của các đối tượng khác	13
Điều 16.	Trách nhiệm thực hiện.....	16
Điều 17.	Điều khoản thực hiện.....	16

Điều 1. Mục đích

Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (Sau đây được gọi là Quy chế) được ban hành để quy định thống nhất về hoạt động báo cáo và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV, bao gồm Người nội bộ của Tổng Công ty, các Ban/Văn phòng tại Trụ sở chính, các Chi nhánh, Công ty thành viên, các đơn vị và cá nhân khác có liên quan của Tổng Công ty.
2. Quy chế này không áp dụng với hoạt động báo cáo và công khai thông tin theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm

Điều 3. Tài liệu tham chiếu

- a) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- b) Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2025;
- c) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- d) Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- e) Thông tư số 68/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; Bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; Hoạt động của công ty chứng khoán và Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- f) Quyết định số 09/QĐ-HĐTV ngày 10/08/2023 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam Ban hành quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- g) Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của Sở giao dịch chứng khoán TPHCM Về việc ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM;
- h) Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 15/07/2022 của Sở giao dịch chứng khoán TPHCM Quy định sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử (ECM) tại Sở giao dịch chứng khoán TPHCM;

- i) Quyết định số 877/QĐ-UBCK ngày 05/08/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

- a) “CBTT”: là Công bố thông tin;
- b) “Tổng Công ty” hoặc “BIC”: là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- c) “Người được ủy quyền CBTT”: là cá nhân được Người đại diện theo pháp luật của BIC ủy quyền bằng văn bản thực hiện việc CBTT theo quy định của pháp luật;
- d) “UBCKNN”: là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- e) “SGDCK”: là Sở Giao dịch chứng khoán nơi Tổng Công ty niêm yết;
- f) “VSDC”: là Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- g) “Thông tư 96/2020/TT-BTC”: là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi kèm theo (nếu có).
- h) “Người nội bộ”: là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền Công bố thông tin.
- i) “Người có liên quan”: Là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán. Cụ thể:
- Tổng Công ty và người nội bộ của Tổng Công ty;
 - Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Tổng Công ty;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- j) “Ngày công bố thông tin”: Là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT
- k) “Ngày báo cáo”: Là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước

Điều 5. Nguyên tắc CBTT

1. Việc CBTT phải đầy đủ, kịp thời và chính xác theo quy định pháp luật có liên quan và Quy chế này.
2. Ngôn ngữ CBTT là tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định của pháp luật.
3. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
4. Tổng Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:
 - a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty tối thiểu 05 năm.
 - b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty tối thiểu 05 năm.

Điều 6. Trách nhiệm CBTT

1. Việc CBTT của Tổng Công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Trong trường hợp phát sinh sự kiện cần CBTT mà cả Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên được giao trực điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT.
2. BIC phải báo cáo, báo cáo lại về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24h kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực.
3. Các đơn vị, cá nhân thuộc Tổng Công ty không được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin trên thị trường chứng khoán thì không được nhân danh Tổng Công ty để cung cấp thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin

1. BIC thực hiện CBTT trên các phương tiện CBTT bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty: www.bic.vn;
 - b) Hệ thống CBTT của UBCKNN;
 - c) Hệ thống CBTT của SGDCK;
 - d) Hệ thống CBTT của VSDC;
 - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp nghĩa vụ CBTT của BIC phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, BIC phải thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc, BIC thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật.
3. Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty phải có: (1) các nội dung về ngành nghề kinh doanh, các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; (2) chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố: Điều lệ công ty, Quy chế CBTT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này. Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin công bố và phải đảm bảo để nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận với các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

Điều 8. Tạm hoãn, sửa đổi nội dung công bố thông tin

1. Tạm hoãn công bố thông tin:
 - a) Tổng Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Tổng Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT) đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
 - b) Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tổng Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.
2. Sửa đổi nội dung công bố thông tin:
 - a) Khi cần sửa đổi nội dung thông tin đã được công bố, các đơn vị, cá nhân có liên quan lập báo cáo, giải trình với Người đại diện theo pháp luật về nguyên nhân cần thay đổi thông tin đã công bố, nội dung thay đổi, trách nhiệm của đơn vị, cá nhân có liên quan tới việc thay đổi nội dung thông tin đã công bố.
 - b) Trường hợp cần thiết phải thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Tổng Công ty báo cáo và có văn bản giải trình gửi UBCKNN, SGDCK.

Điều 9. Xử lý vi phạm

Cá nhân, đơn vị trong BIC có hành vi vi phạm Quy chế này và các Quy trình nội bộ hướng dẫn thực hiện Quy chế, vi phạm các quy định pháp luật gây thiệt hại cho BIC liên quan đến việc thực hiện quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của BIC và quy định của pháp luật.

Điều 10. Các trường hợp Công bố thông tin

Các trường hợp Tổng Công ty thực hiện CBTT theo quy định pháp luật bao gồm:

1. CBTT định kỳ
2. CBTT bất thường;
3. CBTT theo yêu cầu;
4. CBTT về các hoạt động khác;
5. CBTT của các đối tượng khác;
6. CBTT về giao dịch chào mua công khai.

Điều 11. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

BIC phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

- a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh và được lập theo quy định của pháp luật hiện hành về kê toán doanh nghiệp;
- b) BIC phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;
- c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: BIC phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính bán niên

- a) BIC phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;
- b) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định của điểm a khoản 1 Điều này;

- c) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của BIC trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
 - d) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: BIC phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
3. Báo cáo tài chính quý
- a) BIC phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).
 - b) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định của điểm a khoản 1 Điều này;
 - c) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của BIC trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
 - d) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý: BIC phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Đối với báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) phải công bố trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại điều này, BIC phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
 - d) BIC phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản này trên cả cơ sở báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất.
5. Báo cáo tình hình quản trị công ty
- BIC phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.
6. Báo cáo thường niên

- a) BIC phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư 96/2020-TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
 - b) Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
7. CBTT về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
- a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ BIC không quy định thời gian dài hơn, BIC phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có);
 - b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được thông qua

Điều 12. Công bố thông tin bất thường

1. Thông tin phải công bố bất thường trong thời hạn 24 giờ

BIC phải CBTT bất thường trong thời hạn 24 giờ và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, các giải pháp khắc phục (nếu có) kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Tài khoản của Tổng Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền

mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f) Quyết định về việc tổ chức lại Tổng Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Tổng Công ty; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Tổng Công ty, con dấu của Tổng Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
- i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;
- j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - Trường hợp Tổng Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Tổng Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
 - Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Tổng Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;
- k) Tổng Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Tổng Công ty cần nêu rõ về

thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Tổng Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC;

- l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Tổng Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Tổng Công ty công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;
- m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng Công ty, người nội bộ của Tổng Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng Công ty;
- n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
- o) Tổng Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- p) Trường hợp Tổng Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Tổng Công ty, Tổng Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
- q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng Công ty;
- r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
- s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- t) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);

Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

- 2. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
 - a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Quy chế này;
 - b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Tổng Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Tổng Công ty phải công bố trên trang thông

tin điện tử, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:
 - a) Tổng Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.
 - b) Tổng Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
 - c) Tổng Công ty gửi tài liệu liên quan đến danh sách cổ đông theo quy định của SGDCK.
4. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Tổng Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1,2,3 Điều 11 Quy chế này.
5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác
Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 13. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Tổng Công ty phải CBTT theo yêu cầu trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Tổng Công ty niêm yết trong các trường hợp sau đây:
 - a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b) Có thông tin liên quan đến Tổng Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
3. Bộ phận nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCKNN phải ngay lập tức thông báo cho bộ phận Phụ trách CBTT của Tổng Công ty để kịp thời tổ chức

phối hợp với các bộ phận liên quan chuẩn bị nội dung CBTT theo yêu cầu trong thời hạn quy định.

Điều 14. Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn:

Tổng Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Tổng Công ty phải CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ này trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty, SGDCK, VSDC, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ:

Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Tổng Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 15. Công bố thông tin của các đối tượng khác

1. CBTT của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết:

- a) Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Tổng Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Tổng Công ty, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn;

- b) Cổ đông lớn của Tổng Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Tổng Công ty, UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Thông tư 96/2020/TT-BTC.
 - c) Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại điểm a và điểm b khoản này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.
 - d) Quy định tại điểm a, b, c khoản này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết thực hiện Công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.
 - e) Quy định tại điểm a, b, c, d khoản này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Tổng Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Tổng Công ty phát hành thêm cổ phiếu.
 - f) Tổng Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại khoản này.
2. CBT của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:
- a) Người nội bộ của Tổng Công ty (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Tổng Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc

được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII hoặc phụ lục XIV Thông tư 96/2020/TT-BTC.
 - Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại khoản này được miễn trừ nghĩa vụ nêu trên và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
 - Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;
 - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc phụ lục XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC.
 - Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- b) Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tổng Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng

này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản này.

- c) Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Tổng Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
- d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại khoản này Tổng Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

- 1. Các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, quy định của SGDCK và quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Người đại diện theo pháp luật về việc thực hiện công bố thông tin của Tổng Công ty.
- 2. Ngoài các quy định về công bố thông tin tại Quy chế này, Tổng Công ty có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin trong trường hợp Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có quy định khác.

Điều 17. Điều khoản thực hiện

- 1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định.
- 2. Các vấn đề không được quy định trong quy chế này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định của UBCKNN, HOSE, VSDC và các văn bản quy định khác của BIC; Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những quy định tại Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty.